

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DS-ST
Ngày: 02-10- 2018
V/v tranh chấp hợp
dân sự về vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Dũng

2. Bà Nguyễn Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017, về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 83/2018/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở: 35 đường H, Quận H, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Ngọc Thuý A – Phó phòng phụ trách KHCN Chi nhánh S.

(Theo văn bản uỷ quyền số 494G/BIDV.SĐ-QLRR ngày 16/8/2017).

Địa chỉ: 74, đường H, khóm H, phường H, Tp. Sa Đéc.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Kim X, sinh năm 1968.

2.2. Chị Lê Thị Trúc P, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: nhà số 54C, đường N, Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện nguyên đơn chị A có mặt tại phiên tòa, bà X và chị P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Ngọc Thuý A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P với tư cách cá nhân có ký hợp đồng tín dụng số N.A.0507.14/HĐTD ngày 30/10/2014 với Ngân hàng B (nay là Ngân hàng T) vay số tiền 180.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm, mục đích vay kinh doanh ăn uống, giải khát.

Khi vay bà X và chị P thế chấp tài sản là giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 301474, thửa đất số 163, tờ bản đồ số 11, diện tích 343,0m², cấp cho hộ bà Trần Kim X ngày 08/11/2011, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014.

Sau khi vay bà X trả lãi được 02 lần số tiền 3.025.982 đồng vào ngày 08/12/2014 và ngày 31/12/2014 thì ngưng. Đến hạn tháng 11/2015 thì bà X, chị P không trả gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng, vì vậy Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn khoản vay trên vào ngày 27/10/2015 theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 02/10/2018 bà X và chị P còn nợ tiền vốn 179.999.877đ, tiền lãi trong hạn 75.733.966đ, lãi quá hạn và lãi phạt 29.479.980đ. Tổng cộng vốn, lãi là 285.213.823đ.

Nay Ngân hàng T yêu cầu bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi là 285.213.823đ (vốn 179.999.877đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 02/10/2018 số tiền 105.213.946đ); Số tiền vốn vay sẽ được tiếp tục tính lãi suất trong đồng tín dụng số N.A.0507.14/HĐTD ngày 30/10/2014 đã được các bên ký kết cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi

tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014 để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi thi hành án thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bên thế chấp toàn bộ giấy tờ thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P: đã bỏ địa phương. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định và đăng tin trên báo, đài tìm kiếm nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật mà bà X, chị P vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến : Trình tự, thủ tục giải quyết xét xử vụ án, các chứng cứ được Tòa án thu thập, thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và các đương sự trong vụ án được bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị X, chị Lê Thị Trúc P liên đới trả số tiền vốn, lãi 285.213.823 đồng.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 quy định:

“ 2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “ đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở” . Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn

với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2, Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

Qua đó, cho thấy bà X, chị P là người có nghĩa vụ trong việc vay tiền của Ngân hàng nhưng bỏ địa phương đi không thông báo nơi cư trú mới cho Ngân hàng biết nên xem đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ của bị đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình thụ lý, giải quyết, phía nguyên đơn đã đăng tin thông báo tìm kiếm bà X, chị P trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định nhưng vẫn không có tin tức gì của bà X, chị P. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà X, chị P.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P liên đới trả số tiền vốn vay là 179.999.877 đồng, lãi tạm tính đến ngày 02/10/2018 số tiền 105.213.946đ, tổng cộng vốn và lãi là 285.213.823đ; Yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 03/10/2018, theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng; Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014 để thu hồi nợ vay nếu bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P không trả hết nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thu thập chứng cứ Ngân hàng đã cung cấp Hợp đồng tín dụng số: N.A.0507.14/HĐTD ngày 30/10/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014 giữa bên nhận thế chấp (bên cho vay) là Ngân hàng, bên vay (bên thế chấp) là bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P. Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét thấy, về trình tự thủ tục và nội dung xác lập Hợp đồng tín dụng số: N.A.0507.14/HĐTD ngày 30/10/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014 giữa bên nhận thế chấp (bên cho vay) là Ngân hàng, bên vay (bên thế chấp) là bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P là phù hợp với quy định của pháp luật, được công nhận, có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Theo đó, xác định bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P có thế chấp tài sản để vay tiền của Ngân hàng và số nợ vốn và lãi phát sinh tính đến ngày

ngày 02/10/2018, tổng cộng là 285.213.823đồng như Ngân hàng trình bày là sự thật.

Trên cơ sở đánh giá chứng cứ và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà X, chị P đã vi phạm hợp đồng, chưa trả vốn và lãi cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà X, chị P liên đới trả số tiền vốn vay là 179.999.877 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 02/10/2018 số tiền 105.213.946đồng, tổng cộng vốn và lãi là 285.213.823đồng; Yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 03/10/2018, theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

“2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

Căn cứ quy định của pháp luật Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014 để thu hồi nợ vay nếu bà X, chị P không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng T nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với bà X, chị P là 2.700.000 đồng (đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T

Buộc bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền vốn vay 179.999.877 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/10/2018 số tiền 105.213.946 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 285.213.823 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi ba đồng); số tiền vốn vay sẽ được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số: N.A.0507.14/HĐTD ngày 30/10/2014 đã được các bên ký kết từ ngày 03/10/2018 cho đến khi thi hành án xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng T mà bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp.

Trong trường hợp bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P đã thi hành án xong mà tài sản thế chấp không bị phát mãi để thi hành án thì Ngân hàng T phải trả lại cho bên thế chấp là bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0507.14/HĐTC ngày 31/10/2014 (*Hiện Ngân hàng đang giữ*).

***Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P liên đới nộp 14.261.000 đồng (*mười bốn triệu, hai trăm sáu mươi một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01085 ngày 06/10/2017 và biên lai thu số 0004881 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng T nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với bà X, chị P là 2.700.000 đồng (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Trần Kim X, chị Lê Thị Trúc P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPSĐ;
- THA.TP. S;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kiều